

E12- UNIT 4- VOCAB 1

	IN VIETNAMESE	IN ENGLISH
1.	bắt buộc	
2.	chính yếu, chủ yếu	
3.	trường dân lập	
4.	chia thành	
5.	học phí	
6.	môn giáo dục thể chất	
7.	chương trình học	
8.	bao gồm	
9.	song song	
10.	những môn học chủ đạo	
11.	được tạo nên bởi	
12.	chứng chỉ, chứng nhận	
13.	trường quốc lập	
14.	học kỳ	
15.	loại	
16.	thiết kế và kỹ thuật	
17.	giáo dục phổ thông	
18.	trường tư	
19.	năm học	
20.	được tách ra	
21.	trả học phí	